

Hà Nội, ngày 17 tháng 06 năm 2016

**BÁO CÁO ĐÁNH GIÁ VỀ KẾT QUẢ THỰC HIỆN KẾ HOẠCH SẢN XUẤT
KINH DOANH HÀNG NĂM VÀ 03 NĂM GẦN NHẤT**

Năm 2015

1. Kết quả sản xuất kinh doanh các năm 2015 và 3 năm gần nhất

1.1 Doanh thu

- Năm 2012: Giá trị thực hiện đạt 166,616 tỷ đồng, tăng 9,4% so với năm 2011
- Năm 2013: Giá trị thực hiện đạt 176,991 tỷ đồng, tăng 6,2% so với năm 2012, trong đó:
 - + Doanh thu sản xuất, cung cấp dịch vụ công ích là 113,703 tỷ đồng
 - + Doanh thu sản xuất, cung cấp dịch vụ ngoài công ích là 63,288 tỷ đồng
- Năm 2014: Giá trị thực hiện đạt 201,652 tỷ đồng, tăng 13,9% so với năm 2013, trong đó:
 - + Doanh thu sản xuất, cung cấp dịch vụ công ích là 120,370 tỷ đồng
 - + Doanh thu sản xuất, cung cấp dịch vụ ngoài công ích là 81,282 tỷ đồng
- Năm 2015: Giá trị thực hiện đạt 230,670 tỷ đồng, tăng 14,4% so với năm 2014, trong đó:
 - + Doanh thu sản xuất, cung cấp dịch vụ công ích là 134,185 tỷ đồng
 - + Doanh thu sản xuất, cung cấp dịch vụ ngoài công ích là 96,484 tỷ đồng

1.2 Lợi nhuận trước thuế: Giá trị các năm đạt được như sau:

- Năm 2012 đạt 26,082 tỷ đồng, tăng 33,8% so với năm 2011
- Năm 2013 đạt 28,109 tỷ đồng, tăng 7,8% so với năm 2012
- Năm 2014 đạt 32,008 tỷ đồng, tăng 13,9% so với năm 2013
- Năm 2015 đạt 35,264 tỷ đồng, tăng 10,2% so với năm 2014

1.3 Giá trị nộp ngân sách các năm như sau: Năm 2012 đạt 15,76 tỷ đồng; Năm 2013 đạt 20,36 tỷ đồng; Năm 2014 đạt 31,94 tỷ đồng và Năm 2015 đạt 22,31 tỷ

đồng

1.4 Kim ngạch xuất các năm như sau: Năm 2012 đạt 5,96 tỷ đồng; Năm 2013 đạt 26,83 tỷ đồng; Năm 2014 đạt 31,3 tỷ đồng và Năm 2015 đạt 15,7 tỷ đồng.

2. Kết quả đầu tư xây dựng năm 2015 và 3 năm gần nhất

Từ năm 2012 đến năm 2015, Công ty TNHH Kỹ thuật Quản lý bay đã tổ chức triển khai các dự án đầu tư phục vụ mục tiêu sản xuất, kinh doanh và định hướng phát triển của Công ty đảm bảo chất lượng, tiến độ, hiệu quả và đúng qui định pháp luật. Công ty đã hoàn thành các dự án trọng điểm cung cấp dịch vụ CNS để đưa vào khai thác đảm bảo doanh thu của Công ty gồm: Dự án đầu tư DVOR/DME Phú Quốc mới, Dự án đầu tư DVOR/DME Chu Lai, Dự án đầu tư 7 trạm ADS-B cho FIR Hà Nội; Dự án đầu tư trạm VHF/VSAT Trường Sa Lớn và Song Tử Tây. Hoàn thành công tác chuẩn bị đầu tư để tổ chức thực hiện đầu tư các dự án như: Dự án đầu tư cơ sở làm việc của Công ty tại 58 Trường Sơn; Dự án đài DVOR/DME Tuy Hòa.

Thực hiện công tác giải ngân các gói thầu cho nhà thầu đúng theo tiến độ và điều khoản của hợp đồng, giá trị giải ngân vốn đầu tư từ năm 2012 đến 2015 đạt 234,64 tỷ đồng.

3. Thuận lợi, khó khăn chủ yếu và các yếu tố ảnh hưởng tới tình hình sản xuất kinh doanh của Công ty

3.1 Thuận lợi

- Công ty đã được sự quan tâm, hỗ trợ và chỉ đạo sát sao của các cơ quan cấp trên như Bộ Giao thông Vận tải; Cục Hàng không Việt Nam; Tổng công ty Quản lý bay Việt Nam.
- Kế hoạch sản xuất, cung ứng dịch vụ công ích chiếm tỷ trọng lớn trong kế hoạch doanh thu hàng năm của Công ty đã được Tổng Công ty tạm giao sớm và Công ty chủ động thực hiện ngay từ đầu năm.
- Công ty đã hoạt động cung cấp các sản phẩm/dịch vụ truyền thống cho các đơn vị trong và ngoài ngành từ lâu với chất lượng dịch vụ cao nên tạo được thương hiệu uy tín trong và ngoài ngành.
- Sự lớn mạnh và chuyên nghiệp của lực lượng lao động, khả năng thích ứng với sự thay đổi của hệ thống quản lý sản xuất, kinh doanh tạo cho ATTECH một vị thế nhất định trong thị trường sản xuất, kinh doanh các sản phẩm và dịch vụ công nghiệp hàng không.

- Công ty đã có một hệ thống quản lý chất lượng và quản trị tiên tiến, đã được tin học hóa tạo thuận lợi trong hoạt động sản xuất kinh doanh, nâng cao năng suất lao động.

- Hệ thống chính trị vững chắc và năng động cùng với sự tin tưởng, đoàn kết, hợp tác của người lao động, sự đồng thuận trong đội ngũ lãnh đạo doanh nghiệp là một thuận lợi quan trọng trong lãnh đạo thực hiện nhiệm vụ.

3.2 Khó khăn chủ yếu và các yếu tố ảnh hưởng đến sản xuất kinh doanh

- Việc giao kế hoạch cung ứng sản phẩm, dịch vụ công ích chính thức chậm đồng thời cắt giảm doanh thu dịch vụ công ích gây khó khăn cho việc điều hành sản xuất kinh doanh của đơn vị, đảm bảo các chỉ tiêu doanh thu, lợi nhuận và thu nhập của người lao động.

- Thị trường cung cấp các dịch vụ phụ trợ (ngoài dịch vụ CNS) cho Công ty mẹ ngày một thu hẹp, một số nội dung như bảo trì, bảo dưỡng đã bị cắt giảm do Công ty mẹ tự thực hiện.

- Thị trường sản xuất sản phẩm công nghiệp hàng không của Công ty bị các hãng sản xuất nước ngoài cạnh tranh mạnh mẽ như Thorn, ADB, Atis... cũng như do cơ chế quản lý doanh nghiệp đối với Công ty.

- Việc đưa vào và mở rộng khai thác cung cấp dịch vụ các trạm ADS-B; VHF; VSAT từ biển Đông tới các đài trạm trong toàn quốc đòi hỏi phải xây dựng và triển khai các giải pháp để đảm bảo các cam kết hợp đồng cung cấp dịch vụ.

- Một số dự án đầu tư xây dựng đã hoàn thành đúng kế hoạch nhưng công tác đưa vào khai thác sửa dụng và ký kết hợp đồng cung cấp dịch vụ chậm so với kế hoạch nên làm giảm doanh thu của Công ty.

- Triển khai hiệu quả, đúng kế hoạch đề án tái cơ cấu doanh nghiệp đã được chủ sở hữu phê duyệt là một thách thức không nhỏ đối với nhiệm vụ lãnh đạo doanh nghiệp.

4. Triển vọng và kế hoạch trong tương lai

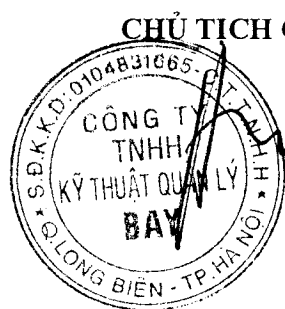
4.1. Về thương hiệu

Tiếp tục phát triển, củng cố thương hiệu ATTECH trong phạm vi quốc gia, khu vực và gắn liền với sản phẩm phục vụ an ninh quốc phòng.

4.2. Về thị trường/ khách hàng và doanh thu/bán hàng năm 2016

Mục tiêu doanh thu bán hàng năm 2016 là 239.178 triệu đồng, trong đó:

STT	Thị trường/ khách hàng	Mục tiêu doanh thu/ bán hàng
A	Thị trường trong nước	
1	Tổng công ty QLB Việt Nam (VATM)	168.126
2	Các đơn vị trực thuộc VATM	5.639
3	Các đơn vị khác (bao gồm VNH, QC PK-KQ, HAGL, ACV...)	40.394
B	Thị trường nước ngoài (CAAS, Lào, châu Phi, châu Á, châu Âu và Nam Mỹ)	25.019



Trình Văn Hải

BIỂU SỐ 1
MỘT SỐ CHỈ TIÊU VỀ HOẠT ĐỘNG SẢN XUẤT KINH DOANH CỦA CÔNG TY

TT	Chỉ tiêu	ĐVT	Thực hiện năm 2012	Thực hiện năm 2013	Thực hiện năm 2014	Thực hiện năm 2015
1	Tổng doanh thu	Tỷ đồng	166,616	176,991	201,652	230,670
2	Lợi nhuận trước thuế	Tỷ đồng	26,082	28,109	32,008	35,264
3	Nộp ngân sách	Tỷ đồng	15,76	20,36	31,94	22,31
4	Kim ngạch xuất khẩu	Tỷ đồng	5,96	26,83	31,3	15,7
5	Tổng lao động tính đến 31/12	Người	357	365	375	380
6	Tổng quỹ lương	Tỷ đồng	60,39	60,87	64,34	70,98
a)	- Quỹ lương quản lý	Tỷ đồng	2,93	2,92	3,07	3,35
b)	- Quỹ lương lao động	Tỷ đồng	57,46	57,95	61,27	67,63